

Phụ lục 02

CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ		24,0								
1.1	Thành phần HS 1	Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017)	1,0	48.253			1	15	48.253	723.795	
1.2	Thành phần HS 2	Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch	16,0	48.253		20.000	1	15	792.048	11.880.720	
1.3	Thành phần HS 3	Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch	1,0	48.253		10.000	1	15	58.253	873.795	

1.4	Thành phần HS 4	Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.	6,0	48.253		10.000	1	15	299.518	4.492.770	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Internet	0,5	48.253			1	15	24.127	361.898	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		215,0	48.253			1	15	10.374.395	155.615.925	
5	Công việc khác (nếu có)		0,0				1	15	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		48.253		50.000	1	15	50.000	750.000	
		Bưu điện									
		Internet	0,5								
		Khác									
	TỔNG		240,0		0	90.000			11.646.594	174.698.903	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

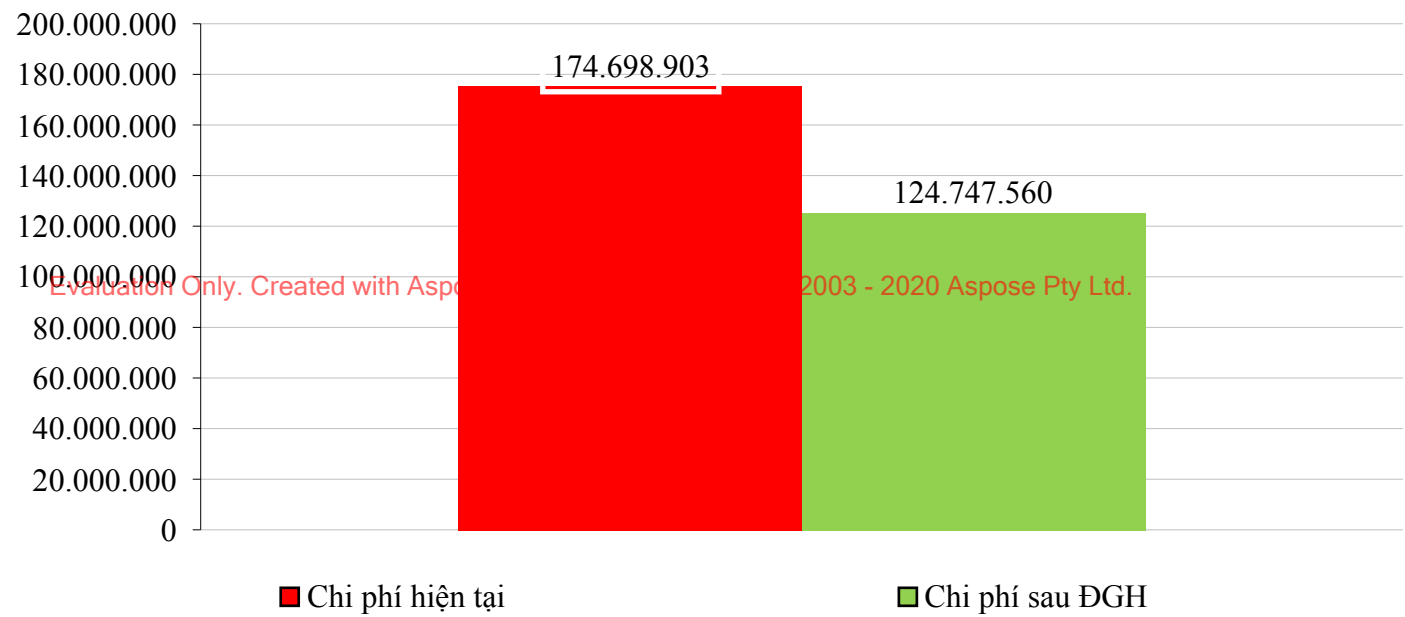
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ		24,0								
1.1	Thành phần HS 1	Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II	1,0	48.253			1	15	48.253	723.795	
1.2	Thành phần HS 2	Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch	1,0	48.253		100.000	1	15	148.253	2.223.795	
1.3	Thành phần HS 3	Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch	16,0	48.253		50.000	1	15	822.048	12.330.720	
1.4	Thành phần HS 4	Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.	6,0	48.253		10.000	1	15	299.518	4.492.770	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Internet									
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	

3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		144,0	48.253			1	15	6.948.432	104.226.480	
5	Công việc khác (nếu có)		0,0				1	15	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		48.253		50.000	1	15	50.000	750.000	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
	TỔNG		168,0		0	210.000			8.316.504	124.747.560	

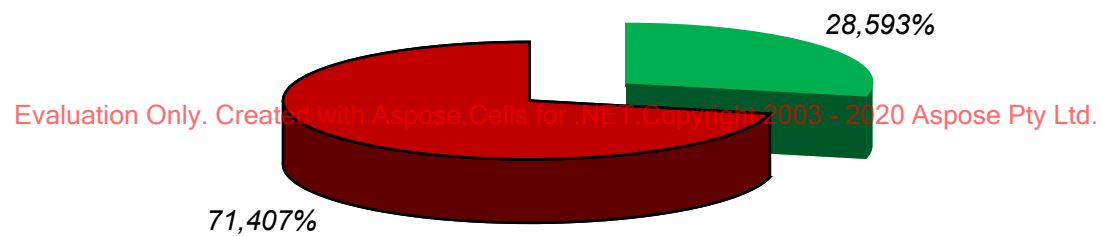
Ghi chú: Chi phí soạn đơn đề nghị 01 giờ/trang; Thu nhập bình quân trên đầu người là 48,253 đồng/giờ (tổng thu nhập cả nước bình quân cả nước trên đầu người: 101,9 triệu đồng năm 2023)

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



* Ghi chú: Số liệu trong Bảng tính chỉ mang tính chất minh họa.

240,0

168,0

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản
bản tin (địa phương)

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ		12,0								
1.1	Thành phần HS 1	Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức	1,0	48.253			1	20	48.253	965.060	

1.2	Thành phố	Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin	1,0	48.253		50.000	1	20	98.253	1.965.060	
-----	-----------	--	-----	--------	--	--------	---	----	--------	-----------	--

1.3	Thành phố	Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài	10,0	48.253		50.000	1	20	532.530	10.650.600	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Internet	0,5	48.253			1	20	24.127	482.530	

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		107,0	48.253			1	20	5.163.071	103.261.420	
5	Công việc khác (nếu có)		0,0				1	20	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		48.253		100.000	1	20	100.000	2.000.000	
		Bưu điện									
		Internet	0,5								
		Khác									
	TỔNG		120,0		0	200.000			5.966.234	119.324.670	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ		12,0								
1.1	Thành phần HS 1	Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức	1,0	48.253			1	20	48.253	965.060	

1.2	Thành phố	Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin đổi với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin	1,0	48.253		100.000	1	20	148.253	2.965.060	
-----	-----------	--	-----	--------	--	---------	---	----	---------	-----------	--

1.3	Thành phố	Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài	10,0	48.253		50.000	1	20	532.530	10.650.600	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Internet	0,5	48.253			1	20	24.127	482.530	

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		67,0	48.253			1	20	3.232.951	64.659.020	
5	Công việc khác (nếu có)		0,0				1	20	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		48.253		100.000	1	20	100.000	2.000.000	
		Bưu điện									
		Internet	0,5								
		Khác									
	TỔNG		80,0		0	250.000			4.086.114	81.722.270	

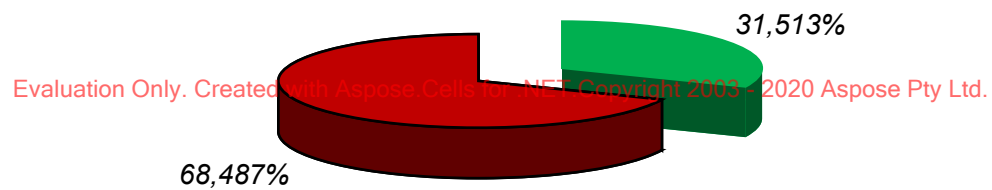
Ghi chú: Chi phí soạn đơn đề nghị 01 giờ/trang; Thu nhập bình quân trên đầu người là 48,253 đồng/giờ (tổng thu nhập cả nước bình quân cả nước trên

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



*** Ghi chú: Số liệu trong Bảng tính chỉ mang tính chất minh họa.**